

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI KHOÁNG VÀ CƠ KHÍ HỮU NGHỊ VĨNH SINH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 16

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI KHOÁNG VÀ CƠ KHÍ HỮU NGHỊ VĨNH SINH

Khu chung cư xi măng Hữu Nghị, KCN Thụy Vân,
thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Bà Nguyễn Thị Yến	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 16/04/2011).
Ông Phan Văn Khích	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 16/04/2011)
Ông Phan Văn Khoa	Thành viên
Ông Nguyễn Kim Tuyền	Thành viên
Ông Phạm Hữu Tuân	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Văn Khích	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Phan Văn Khích

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 25 tháng 03 năm 2012
của Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 25 tháng 03 năm 2012 của Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 4 đến trang 16 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0748/KTV
Hà Nội, Ngày 25 tháng 03 năm 2012

Phạm Tiến Dũng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0747/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		156.637.164.854	142.103.314.239
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.776.409.610	2.358.714.078
1. Tiền	111	V.1	2.776.409.610	2.358.714.078
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.087.379.459	62.103.325.037
1. Phải thu khách hàng	131		64.999.379.459	62.103.325.037
2. Trả trước cho người bán	132		88.000.000	-
IV. Hàng tồn kho	140		88.770.945.292	77.641.275.124
1. Hàng tồn kho	141	V.2	88.770.945.292	77.641.275.124
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.430.493	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.430.493	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.296.806.519	45.419.900.432
II. Tài sản cố định	220		38.190.046.193	41.303.098.842
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.3	38.159.125.771	41.261.778.416
- Nguyên giá	222		44.293.752.620	44.293.752.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.134.626.849)	(3.031.974.204)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.4	30.920.422	41.320.426
- Nguyên giá	228		52.000.000	52.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.079.578)	(10.679.574)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.100.000.000	4.100.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.6	4.100.000.000	4.100.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.760.326	16.801.590
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	6.760.326	16.801.590
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		198.933.971.373	187.523.214.671

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		76.314.795.831	60.272.087.780
I. Nợ ngắn hạn	310		76.294.795.831	60.252.087.780
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	19.500.000.000	20.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		38.676.588.627	36.360.386.967
3. Người mua trả tiền trước	313		12.791.180.275	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		1.036.542.291	209.011.194
5. Phải trả người lao động	315		392.253.900	775.849.602
6. Chi phí phải trả	316		710.066.249	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.8	316.322.169	49.105.521
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.871.842.320	2.357.734.496
II. Nợ dài hạn	330		20.000.000	20.000.000
3. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	20.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		122.619.175.542	127.251.126.891
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.9	122.619.175.542	127.251.126.891
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		72.000.000.000	72.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.871.842.320	2.357.734.496
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.871.842.320	2.357.734.496
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		44.875.490.902	50.535.657.899
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		198.933.971.373	187.523.214.671

Phan Văn Khích
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Mạnh Hà
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	244.021.174.629	444.348.085.265
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		244.021.174.629	444.348.085.265
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	224.448.415.307	392.329.748.493
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.572.759.322	52.018.336.772
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.377.920	23.642.776
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.259.868.370	304.125.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.259.868.370	304.125.000
8. Chi phí bán hàng	24		4.074.400.000	3.638.920.182
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		937.170.106	944.244.443
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.318.698.766	47.154.689.923
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.318.698.766	47.154.689.923
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	1.036.542.291	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.282.156.475	47.154.689.923
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1.428	6.549

Phan Văn Khích
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Mạnh Hà
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	347.817.400.000	297.677.419.100
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(282.838.459.881)	(295.220.129.482)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.870.564.943)	(4.486.495.650)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.549.802.121)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	22.725.101.864	35.911.783.069
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(77.883.357.307)	(51.977.519.701)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.400.317.612	(18.094.942.664)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn	21	-	(1.513.175.454)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.377.920	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.377.920	(1.513.175.454)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	19.500.000.000	20.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.000.000.000)	20.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	417.695.532	891.881.882
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.358.714.078	1.466.832.196
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.776.409.610	2.358.714.078

Phan Văn Khích
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Mạnh Hà
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Bao bì xi măng Chính An hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600632004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2009, cấp thay đổi lần 1 ngày 23 tháng 12 năm 2009 và cấp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 27 tháng 04 năm 2010.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 94 người (năm 2010 là: 113 người).

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần (Nghìn cổ phần)	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	Nguyễn Thị Yên	Phổ thông	464	4.640	6,4
2	Phan Văn Khích	Phổ thông	87	870	1,2
3	Nguyễn Mạnh Hà	Phổ thông	87	870	1,2

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty bao gồm:

- Sản xuất bao bì xi măng;
- Gia công chế tạo, sửa chữa máy móc thiết bị cơ khí;
- Sản xuất kinh doanh xi măng và vật liệu xây dựng khác;
- Sản xuất gang thép, kim loại màu;
- Chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước; khu cụm, công nghiệp, khu đô thị mới và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác;
- Đầu tư, xây dựng và kinh doanh các công trình nhiệt điện, thủy điện; lắp đặt sửa chữa hệ thống điện tử, điện nước;
- Khai thác chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống giải khát và các dịch vụ du lịch khác;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Kinh doanh đồ dùng cá nhân và gia đình, hàng kim khí, vải sợi, hóa chất công nghiệp cơ bản; kinh doanh xăng dầu, mỡ các loại;
- Sản xuất kinh doanh các loại phân hóa học, hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm sản xuất kinh doanh).

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Ngày 31/12/2009 và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20
Máy móc thiết bị	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán Bravo, thời gian khấu hao 5 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ đã xuất dùng nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Các khoản chi phí này được tính và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán dựa vào phương pháp và tiêu thức phân bổ đã lựa chọn phù hợp với tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Bao bì xi măng Chính An. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động thương mại và hoạt động khác là 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	243.499.255	1.858.351.925
Tiền gửi ngân hàng	2.532.910.355	500.362.153
Cộng	<u>2.776.409.610</u>	<u>2.358.714.078</u>

2 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	81.851.607.979	70.907.951.731
Công cụ, dụng cụ	49.506.000	2.354.373.036
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	70.997.845	53.592.942
Thành phẩm	6.798.833.468	4.325.357.415
Giá gốc hàng tồn kho	<u>88.770.945.292</u>	<u>77.641.275.124</u>

3 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2011	31.887.847.858	12.380.000.000	25.904.762	44.293.752.620
Tại ngày 31/12/2011	<u>31.887.847.858</u>	<u>12.380.000.000</u>	<u>25.904.762</u>	<u>44.293.752.620</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2011	2.106.117.294	919.136.064	6.720.846	3.031.974.204
Khấu hao trong kỳ	1.668.758.520	1.428.713.172	5.180.953	3.102.652.645
Tại ngày 31/12/2011	<u>3.774.875.814</u>	<u>2.347.849.236</u>	<u>11.901.799</u>	<u>6.134.626.849</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2011	<u>29.781.730.564</u>	<u>11.460.863.936</u>	<u>19.183.916</u>	<u>41.261.778.416</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>28.112.972.044</u>	<u>10.032.150.764</u>	<u>14.002.963</u>	<u>38.159.125.771</u>

Công ty dùng toàn bộ tài sản cố định hữu hình hiện có để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

4. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2011	52.000.000	52.000.000
Tại ngày 31/12/2011	52.000.000	52.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2011	10.679.574	10.679.574
Khấu hao trong kỳ	10.400.004	10.400.004
Tại ngày 31/12/2011	21.079.578	21.079.578
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2011	41.320.426	41.320.426
Tại ngày 31/12/2011	30.920.422	30.920.422

5. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.760.326	16.801.590
Cộng	6.760.326	16.801.590

6. Đầu tư và Công ty liên kết, liên doanh

Là khoản Công ty mua lại 410.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến lâm khoáng sản Hoàng Phát từ Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị. Theo đó, Công ty sẽ trở thành thành viên sáng lập sở hữu 25% vốn Điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến lâm khoáng sản Hoàng Phát.

Hiện tại Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến lâm khoáng sản Hoàng Phát vẫn đang trong giai đoạn triển khai đầu tư.

7. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Hà Nội (*)	14.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thanh Xuân (**)	5.500.000.000	5.500.000.000
Cộng	19.500.000.000	20.500.000.000

(*) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1480 LAV 211000477/HĐTD ngày 07 tháng 09 năm 2011. Lãi suất tiền vay là lãi suất thỏa thuận có sự điều chỉnh khi NHNN thay đổi lãi suất cơ bản và theo quy định cụ thể của Giám đốc Chi nhánh NHNo&PTNT Tây Hà Nội cho từng thời kỳ. Tại thời điểm nhận nợ lần đầu, lãi suất 1,65%/tháng.

(**) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1505LAV201000817/HĐTD ngày 01/08/2011 với mức lãi suất 21%/năm. Mục đích vay: kinh doanh nguyên vật liệu xi măng và phụ xi măng các loại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	316.322.169	18.914.321
Kinh phí công đoàn	-	30.191.200
Cộng	316.322.169	49.105.521

9. Vốn chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2010	72.000.000.000	-	-	10.454.171.464	82.454.171.464
Tạm chia các quỹ	-	2.357.734.496	2.357.734.496	-	4.715.468.992
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	47.154.689.923	47.154.689.923
Phân phối các quỹ	-	-	-	(7.073.203.488)	(7.073.203.488)
Tại ngày 31/12/2010	72.000.000.000	2.357.734.496	2.357.734.496	50.535.657.899	127.251.126.891
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	10.282.156.475	10.282.156.475
Phân phối các quỹ (i)	-	514.107.824	514.107.824	(1.542.323.472)	(514.107.824)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Tại ngày 31/12/2011	72.000.000.000	2.871.842.320	2.871.842.320	44.875.490.902	122.619.175.542

(i) Công ty tạm phân phối các quỹ.

(ii) Chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng số 02/2011/NQ - ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 04 năm 2011.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của các đối tượng khác	72.000.000.000	72.000.000.000
Cộng	72.000.000.000	72.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2011	31/12/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.200.000	7.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.200.000	7.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.200.000	7.200.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.200.000	7.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.200.000	7.200.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là: 10.000 đồng/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	244.041.174.629	444.448.085.265
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	187.022.810.992	305.626.514.590
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	57.018.363.637	138.821.570.675
Cộng	244.041.174.629	444.448.085.265

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	44.294.584.283	90.677.991.877
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	180.153.831.024	301.651.756.616
Cộng	224.448.415.307	392.329.748.493

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	17.377.920	23.642.776
Cộng	17.377.920	23.642.776

4. Chi phí tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.259.868.370	304.125.000
Cộng	3.259.868.370	304.125.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.318.698.766	47.154.689.923
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế hoạt động cơ khí</i>	<i>10.791.199.924</i>	<i>-</i>
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế hoạt động khác</i>	<i>527.498.842</i>	<i>-</i>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	47.154.689.923
Thu nhập chịu thuế	11.318.698.766	-
Thuế suất	25%	0%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.829.674.692	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm hoạt của động cơ khí	1.348.899.991	-
Thuế TNDN được giảm (*)	444.232.410	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.036.542.291	-

(*) Năm 2011 Công ty được giảm 30% thuế TNDN theo Thông tư 154/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính.

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	10.282.156.475	47.154.689.923
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	7.200.000	7.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.428	6.549

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kết toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

2. Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp của Ban giám đốc	69.115.100	70.000.000

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán.

Phan Văn Khích**Tổng Giám đốc***Ngày 25 tháng 03 năm 2012*

Nguyễn Mạnh Hà**Kế toán trưởng**